ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 22 tháng 3 năm 2021

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA K2017, K2018, K2019 BUỘC THÔI HỌC TỪ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2020 - 2021

Khoa tiếng Anh Hệ chính quy

(Kèm theo Quyết định số: 481 /QĐ-ĐHNN ngày 23 tháng 4 năm 2021)

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Kết quả học kỳ kế trước	Số tín chỉ học kỳ	Điểm TBC HK thang 4	Điểm TBC HK thang 10	Kết quả học kỳ	Số tín chỉ tích luỹ	Hạng năm	Điểm TBC tích luỹ	Kết quả tích luỹ	Số lần đã cảnh báo/Liên tiếp	Kết quả học tập	Kết quả Hội đồng xét	Ghi chú
	Khóa 2017															
1	411171329	17CNA03	Trần Đại Dương		0	0	0	Thôi học	0	1	0.00	Yếu		Thôi học	Thôi học	CT2
2	411170524	17CNA06	Lê Anh Tài		4	0	0	Thôi học	65	2	2.32	Bình thường	1	Thôi học	Thôi học	
3	411170796	17CNA06	Lê Sô Gia Yên	Quá hạn tạm ngưng không tiếp tục tiến độ học tập (679/QĐ-ĐHNN, ngày 06/08/2019, từ HK I 19-20)									2	Thôi học	Thôi học	
4	411170175	17CNA07	Trần Thị Thanh Hiền	Quá hạn tạm ngưng không tiếp tục tiến độ học tập (776/QĐ-ĐHNN, ngày 29/08/2019, từ HK I 19-20)										Thôi học	Thôi học	
5	411170186	17CNA08	Hồ Thị Thảo Hiền		0	0	0	Thôi học	96	3	2.39	Bình thường		Thôi học	Thôi học	
6	411171328	17CNA10	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Quá hạn tạm ngưng không tiếp tục tiến độ học tập (1175/QĐ-ĐHNN, ngày 25/11/2019, từ HK I 19-20)										Thôi học	Thôi học	
7	411170669	17CNA11	Trần Thị Ngọc Trang	Quá hạn tạm ngưng không tiếp tục tiến độ học tập (1045/QĐ-ĐHNN, ngày 09/10/2019, từ HK I 19-20)										Thôi học	Thôi học	
8	411170995	17CNACLC01	Nguyễn Hữu Quỳnh Như		0	0	0	Thôi học	70	3	2.61	Bình thường		Thôi học	Thôi học	
9	411170878	17CNACLC04	Trần Thị Thu Hiền		0	0	0	Thôi học	80	3	2.09	Bình thường		Thôi học	Thôi học	
	Khóa 2018															
10	411180406	18CNA03	Đỗ Thị Kiều Oanh		0	0	0	Thôi học	24	1	2.92	Bình thường	1	Thôi học	Thôi học	
11	411180324	18CNA05	Thái Hải Đức Minh		0	0	0	Thôi học	41	2	2.98	Bình thường	1	Thôi học	Thôi học	
12	411170493	18CNA09	Nguyễn Thị Như Phương		11	0	0	Thôi học	69	3	2.19	Bình thường		Thôi học	Thôi học	
13	411180666	18CNACLC03	Lương Văn Cường		0	0	0	Thôi học	46	2	2.04	Bình thường		Thôi học	Thôi học	
14	411180739	18CNACLC03	Lê Thị Thu Hương		0	0	0	Thôi học	36	2	1.89	Yếu		Thôi học	Thôi học	
15	411180776	18CNACLC06	Nguyễn Hoài Linh		0	0	0	Thôi học	52	2	1.73	Yếu	1	Thôi học	Thôi học	
16	411180314	18CNA03	Trương Mỹ Mai	Quá hạn tạm ngưng không tiếp tục tiến độ học tập (773/QĐ-ĐHNN, ngày 29/08/2019, từ HK I 19-20)										Thôi học	Thôi học	
17	411180269	18CNA05	Hồ Phương Linh	Quá hạn tạm ngưng không tiếp tục tiến độ học tập (923/QĐ-ĐHNN, ngày 12/09/2019, từ HK I 19-20)										Thôi học	Thôi học	
18	411180105	18CNA09	Nguyễn Hồ Linh Chi	Quá hạn tạm ngưng không tiếp tục tiến độ học tập (775/QĐ-ĐHNN, ngày 29/08/2019, từ HK I 19-20)										Thôi học	Thôi học	
19	411180192	18CNA10	Nguyễn Khánh Hiền	Quá hạn tạm ngưng không tiếp tục tiến độ học tập (860/QĐ-ĐHNN, ngày 03/09/2019, từ HK I 19-20)										Thôi học	Thôi học	
	Khóa 2019															
20	411190063	19CNA02	Đinh Hải Đình		0	0	0	Thôi học	6	1	3.00	Bình thường		Thôi học	Thôi học	
21	411190191	19CNA02	Phan Thị Trúc Ly		0	0	0	Thôi học	8	1	2.50	Bình thường		Thôi học	Thôi học	
22	411190028	19CNA03	Trương Lê Thị Bảo Châu		0	0	0	Thôi học	21	1	2.62	Bình thường		Thôi học	Thôi học	
23	411190163	19CNA06	Nguyễn Kiều Linh		0	0	0	Thôi học	16	1	2.25	Bình thường		Thôi học	Thôi học	

Danh sách này có 23 (hai mươi ba) sinh viên.

Người lập	Giáo vụ Khoa	KT Trưởng Khoa	Trưởng phòng Đào tạo	KT. Hiệu trưởng P. Hiệu trưởng
Nguyễn Duy Thọ	Trần KThuấn	PGS. TS. NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	TS. Nguyễn Hữu Bình	PGS.TS. Nguyễn Văn Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 3 năm 2021

DANH SÁCH CẢNH BÁO SINH VIÊN KHÓA K2017, K2018, K2019 HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021

Khoa tiếng Anh **Hệ chính quy**

(Kèm theo Quyết định số: 482 /QĐ-ĐHNN ngày 23 tháng 4 năm 2021)

TT	Mã SV	Lớp sinh hoạt	Họ và Tên	Kết quả học kỳ kế trước	Số tín chỉ học kỳ	Điểm TBC HK thang 4	Điểm TBC HK thang 10	Kết quả học kỳ	Số tín chỉ tích luỹ	Hạng năm	Điểm TBC tích luỹ	Kết quả tích luỹ	Số lần đã cảnh báo/Liên tiếp	Kết quả học tập	Kết quả Hội đồng xét
	Khóa 2017														
1	411170603	17CNA06	Nguyễn Ngọc Thúy	Cảnh báo	23	0	0.1	Cảnh báo	72	2	2.24	Bình thường	1	Cảnh báo	Cảnh báo
4	411170133	17CNA06	Trần Thị Thu Hà		10	0.8	4.37	Cảnh báo	118	4	1.8	Yếu		Cảnh báo	Cảnh báo
5	411170635	17CNA06	Nguyễn Thị Phương Tiên		11	0.73	4.47	Cảnh báo	90	3	2.38	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
2	411170431	17CNA07	Võ Thị Yến Nhi		10	0.3	1.35	Cảnh báo	100	3	1.93	Yếu		Cảnh báo	Cảnh báo
3	411170971	17CNACLC01	Trần Phạm Hoàng Ngọc	Cảnh báo	29	0.21	1.84	Cảnh báo	80	3	1.59	Yếu	1	Cảnh báo	Cảnh báo
6	411170944	17CNACLC03	Võ Thị Chân Lý		12	1.75	5.75	Cảnh báo	120	4	1.69	Yếu		Cảnh báo	Cảnh báo
	Khóa 2018														
7	411180514	18CNA02	Nguyễn Thị Hoài Thương		18	0	0.2	Cảnh báo	53	2	2.45	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
8	411180545	18CNA03	Lê Thị Huyền Trâm	Cảnh báo	30	0.2	1.41	Cảnh báo	38	2	1.89	Yếu	1	Cảnh báo	Cảnh báo
9	411170755	18CNA03	Biện Thị Mỹ Uyên		21	0.76	2.21	Cảnh báo	61	2	1.8	Yếu		Cảnh báo	Cảnh báo
10	411170083	18CNA03	Trương Công Dự		21	0.67	2.76	Cảnh báo	69	2	1.81	Yếu		Cảnh báo	Cảnh báo
11	411180551	18CNA04	Hà Lê Bảo Trân		32	0	0.72	Cảnh báo	28	1	2.36	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
12	411180632	18CNA06	Phan Thị Vy		20	0.1	0.56	Cảnh báo	73	3	2.34	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
13	411180308	18CNA09	Trần Thị Ngọc Mai		29	0	1.18	Cảnh báo	57	2	2.81	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
14	411180782	18CNACLC01	Huỳnh Thị Ngọc Loan		19	0	0.74	Cảnh báo	73	3	2.36	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
15	411180743	18CNACLC01	Huỳnh Bá Nhật Huy		21	0.33	3.73	Cảnh báo	43	2	2.16	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
	Khóa 2019														
16	411190086	19CNA02	Lã Thị Minh Hằng		19	0.11	1.94	Cảnh báo	30	1	2.47	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
17	411190210	19CNA02	Nguyễn Lê Na		25	0.44	3.45	Cảnh báo	43	2	2.21	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
18	411190106	19CNA03	Dương Thị Minh Hiếu		22	0.41	3.72	Cảnh báo	43	2	2.91	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
19	411190120	19CNA05	Mai Thị Huê		22	0.09	0.41	Cảnh báo	20	1	2.4	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
20	411190509	19CNACLC01	Nguyễn Phương Dung		22	0.91	4.19	Cảnh báo	48	2	2.33	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
21	411190728	19CNACLC02	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Cảnh báo	22	0.09	0.38	Cảnh báo	8	1	1	Yếu	1	Cảnh báo	Cảnh báo
22	411190510	19CNACLC02	Trương Đức Minh Dũng		22	0.73	3.8	Cảnh báo	50	2	2.32	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
23	411190735	19CNACLC03	Lê Ngọc Tú		22	0.27	3.49	Cảnh báo	40	2	3	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
24	411180717	19CNACLC03	Trần Thái Anh Hào	Cảnh báo	13	0.77	3.26	Cảnh báo	18	1	2.22	Bình thường	1	Cảnh báo	Cảnh báo
25	411190795	19CNACLC04	Lê Thị Bích Trâm		22	0.09	2.14	Cảnh báo	36	1	3.06	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
26	411190522	19CNACLC07	Phạm Ngọc Thiên Đan		22	0.59	3.93	Cảnh báo	47	2	2.4	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo
27	411190623	19CNACLC07	Nguyễn Hiền Mai		22	0.91	3.95	Cảnh báo	42	2	2.71	Bình thường		Cảnh báo	Cảnh báo

Danh sách này có 27 (Hai mươi bảy) sinh viên

Người lập	Giáo vụ Khoa	KT Trưởng Khoa	Trưởng phòng Đào tạo	KT. Hiệu trưởng P. Hiệu trưởng
Đỗ Phạm Thu Phương	Trần Thị Thuần	PGS. TS. NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	TS. Nguyễn Hữu Bình	PGS. TS. Nguyễn Văn Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ